TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 538/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 28 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 359/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 15, khu vực 5, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: 73 TT, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 15, khu vực 5, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: 73 Tam Thai, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ D và ông Nguyễn Chí T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ D và ông Nguyễn Chí T xác nhận có 04 con chung là Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 03/7/1993; Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 19/11/1994; Nguyễn Thị Bích Ng1, sinh ngày 12/01/2003 và Nguyễn Thị Bích Ph, sinh ngày 29/9/2008. Hai bên thoả thuận bà Trần Thị Mỹ D nuôi

dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích Ph; ông Nguyễn Chí T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích Ng1 cho đến khi cháu Ph và Ng1 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Ng và B đã thành niên nên ở với ai là quyền của các cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ D và ông Nguyễn Chí T tự thoả thuận giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ D và ông Nguyễn Chí T xác nhận không có nợ chung.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ D tự nguyện chịu 150.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà Trần Thị Mỹ D đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005755 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, hoàn trả lại cho chị Trần Thị Mỹ D số tiền 150.000đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường TA;
(ĐKKH số 19, quyển số: 06 ngày 21/4/1994);
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Dũng